

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 04/11/2019

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

2. Ông Lê Kim Linh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hoàng Sơn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 232/2019/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 168/2019/QĐST-HPT ngày 16/10/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Văn H, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 642C/TA, ấp TA, xã TT, huyện LV, tỉnh ĐT. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Võ Thị Mỹ L, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 583A, ấp ALA, xã ĐY, huyện LV, tỉnh ĐT (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa anh H là nguyên đơn trình bày:

Anh H và chị L có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn năm 2002. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cách nay hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là không hợp nhau, thường xuyên cự cãi và xa nhau đến nay. Về nuôi con chung: Quá trình sống chung, có 02 con chung tên

Nguyễn Thị Diệu Đ, sinh năm 1996 và Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1999. Nay anh H xin ly hôn, con chung đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản, nợ không yêu cầu giải quyết.

- Chị L không có văn bản ý kiến gì đối với yêu cầu của anh H.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu:

+ Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

+ Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H. Con chung đã trưởng thành. Tài sản, nợ chung không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị L đang sinh sống tại huyện LV nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện LV, theo quy định tại Điều 28; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Anh H và chị L chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn, được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, khi có mâu thuẫn anh H và chị L sống riêng, tự lo cho bản thân, cả hai không còn quan tâm tới cuộc sống hôn nhân và xa nhau hơn 10 năm nay. Nay anh H xin ly hôn, chị L không có động thái gì để hàn gắn. Khi Tòa án mời hòa giải để tạo điều kiện cho vợ chồng gặp nhau, hòa giải tháo gỡ những vướng mắc để vợ chồng đoàn tụ xây dựng lại cuộc sống gia đình nhưng chị L đều không đến.

Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“Điều 19. Tình nghĩa vợ chồng

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.”

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“Điều 56. Ly hôn theo yêu cầu của một bên

1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.”

Từ nhận định và điều luật viện dẫn trên, xét thấy hôn nhân giữa anh H và chị L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của anh H là có căn cứ. Đề nghị của Kiểm sát viên cho ly hôn là phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử.

[2.2] Về nuôi con chung:

Quá trình sống chung, anh H và chị D có 02 con chung tên Nguyễn Thị Diệu Đ, sinh năm 1996 và Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1999.

Do các con đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản: Anh H và chị L không yêu cầu nên không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Anh H và chị L không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí: Anh H xin ly hôn nên phải nộp án phí sơ thẩm, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 19, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn H. Cho anh Nguyễn Văn H ly hôn với chị Võ Thị Mỹ L.
2. Về nuôi con chung: Đã trưởng thành không xem xét giải quyết.
3. Về chia tài sản: Không xem xét giải quyết.
4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.
5. Về án phí:

Anh Nguyễn Văn H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số BH/2018/0002773 ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV.

6. Án xử công khai. Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND huyện VL;
- CCTHADS huyện LV;
- UBND xã TT,
huyện LV, tỉnh ĐT,
(giấy CNKH số 41 ngày 29/8/2002);
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lê Thị Kiều Tiên